

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông quý I năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định về báo cáo định kỳ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ như sau:

I. Về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

1. Về kiểm soát ban hành quy định TTHC:

Trong quý I năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi không xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 01b/VPCP/KSTT, Biểu số 02c/VPCP/KSTT).

2. Về công bố, công khai và nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

- *Công bố Danh mục TTHC:* Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 02 quyết định công bố danh mục 31 TTHC mới ban hành và 05 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 02 sở: Tài chính, Xây dựng.

- *Công khai TTHC:* Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, đều đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công tỉnh; các sở đăng tải trên trang thông tin của đơn vị mình và thực hiện niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết. Bên cạnh niêm yết TTHC, các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện niêm yết bảng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân về quy định hành chính để đảm bảo quyền được phản ánh, kiến nghị của người dân khi thực hiện TTHC.

- *Nhập dữ liệu TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia:* Thực hiện nhập, đăng tải công khai kịp thời TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, cụ thể: tích hợp, nhập sửa đổi, bổ sung thông tin của 31 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 03b/VPCP/KSTT).

3. Về tình hình và kết quả giải quyết TTHC:

- Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là **200.327** hồ sơ (theo số liệu thống kê của 18/18 sở, ban ngành; 11/14 huyện, thành phố). Trong đó, số hồ sơ mới tiếp nhận: 171.724 hồ sơ; số hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua: 27.302 hồ sơ; số mới tiếp nhận trực tuyến: 1.301 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết TTHC:

+ Số hồ sơ đã giải quyết là **195.421** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 194.545 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 870 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết là **4.906** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ chưa đến hạn: 3.987 hồ sơ, số hồ sơ đã quá hạn: 919 hồ sơ.

+ Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa: **140.709** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 135.812 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 1.465 hồ sơ và số hồ sơ đang giải quyết: 3.432 hồ sơ.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH, Biểu số 06g/VPCP/KSTT).

4. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC:

Trong quý I năm 2019, tiếp nhận và chuyển xử lý hơn 27 phản ánh về hành vi hành chính liên quan đến lĩnh vực: đất đai, bảo trợ xã hội, người có công và đã xử lý xong; đã chủ động xử lý nhanh nhiều trường hợp thông qua đường dây nóng kết nối với người làm đầu mối kiểm soát TTHC, người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị để giải quyết ngay tại chỗ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết phản ánh cho công dân và hạn chế phát sinh đơn thư phản ánh.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 05b/VPCP/KSTT).

5. Về tình hình rà soát, đánh giá TTHC:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 11/02/2019), yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương gắn với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, trong đó gắn với chỉ tiêu phấn đấu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương. Tại Kế hoạch, xác định cụ thể 08 nhóm quy định, TTHC trọng tâm thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm 2019; ngoài ra, yêu cầu các sở, ban ngành còn lại, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chủ động quyết định việc rà soát các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của cơ quan, địa phương mình.

(Số liệu cụ thể tại Biểu số 04b/VPCP/KSTT).

6. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC:

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2019 truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh để định hướng cho các sở, ban ngành và địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019; thực hiện Kế hoạch, các sở, ban ngành và địa phương đã ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông để tuyên truyền

các nội dung về cải cách hành chính, cải cách TTHC tại cơ quan, địa phương mình.

- Bên cạnh đó, Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, Đài truyền hình Việt Nam VTV8 đưa tin và thực hiện chuyên mục tuyên truyền về công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, Bộ phận Một cửa các cấp, việc triển khai kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ của UBND tỉnh.

7. Về công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 (*Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 14/02/2019*), giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ 04 đơn vị, trong đó tập trung vào kiểm tra lĩnh vực đất đai và kiểm tra đột xuất đối với một hoặc nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của một số cơ quan, đơn vị, địa phương khi có phản ánh, kiến nghị trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC hoặc qua phản ánh của các cơ quan thông tin báo chí.

8. Về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khác:

- Về ban hành văn bản thực hiện các nhiệm vụ được giao kiểm soát TTHC:

+ UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 30/01/2019*); Kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 14/02/2019*); Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 11/02/2019*) và Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 30/01/2019*).

+ UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Trung ương giao như: Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*Công văn số 235/VP-KSTTHC ngày 28/02/2019*); đơn đốc thực hiện nhiệm vụ công bố, công khai TTHC (*Công văn số 234/VP-KSTTHC ngày 28/02/2019*). Đồng thời, tham gia góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP (*Công văn số 863/UBND-KSTTHC ngày 28/02/2019*); đề xuất danh mục TTHC trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt (*Công văn số 7719/UBND-KSTTHC ngày 19/12/2018*).

- Về thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước:

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở cho việc rà soát, đơn giản hóa và Quyết

định số 1221/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, hiện nay UBND tỉnh đang triển khai xây dựng quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh.

II. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

1. Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP:

Triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (Công văn số 3526/UBND-KSTTHC ngày 19/6/2018); triển khai Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018), trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan trong việc triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP để tạo ra sự đột phá trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong những năm tới và triển khai Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018) và hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh (Công văn số 1376/VP-KSTTHC ngày 22/10/2018). Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 07/12/2018 về nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong đó chỉ đạo thực hiện nhiều nội dung quan trọng như giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh làm đầu mối tiếp nhận, giải quyết TTHC về lĩnh vực đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân của cấp huyện nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong lĩnh vực này trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

2. Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

a) Về hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (Trung tâm):

- Trung tâm làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tập trung của 16 sở với gần 1.400 TTHC.

- Trung tâm bố trí 01 quầy tư vấn, hướng dẫn tổ chức, công dân về TTHC; 02 quầy tra cứu kết quả, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC; 02 máy lấy số tự động; 01 máy photocopy hỗ trợ photô giấy tờ miễn phí cho tổ chức, công dân; 01 kiot Bưu điện thực hiện việc nhận, chuyển phát hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục theo yêu cầu người dân; 01 kiot thu hộ phí, lệ phí của Ngân hàng Vietcombank, giúp tổ chức, công dân thuận tiện khi đến thực hiện TTHC. Tất cả hồ sơ, quy trình giải quyết TTHC đều được công khai tại Trung tâm và trên Cổng thông tin điện tử (<https://motcua.quangngai.gov.vn>); Trung tâm đưa vào ứng dụng các tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức như tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ nhanh qua mạng Zalo, gửi tin nhắn SMS, nhắn tin thông báo tự động từ tổng đài của Trung tâm khi có kết quả giải quyết trước hạn hoặc quá hạn, đề nghị bổ sung hồ sơ.

- Để góp phần rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường..., Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành quy trình kiểm soát nội bộ, thống nhất tất cả thủ tục liên thông trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đều chuyển về Trung tâm để tham mưu trình và trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp (Công văn số 605/VP-HCC ngày 10/5/2018).

b) Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm:

- Quý I/2019, Trung tâm đã đón tiếp hơn 10.000 lượt người đến liên hệ giải quyết TTHC; trong đó tiếp nhận 9.949 hồ sơ (*kỳ trước chuyển qua 1.267 hồ sơ*); đã giải quyết 6.466 hồ sơ (trung bình mỗi ngày tiếp nhận và trả kết quả gần 200 hồ sơ và gần 100 lượt khách đến tư vấn, hướng dẫn); hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn và trước hạn so với quy định đạt tỷ lệ 96%; số hồ sơ đang giải quyết 2.216 hồ sơ.

- Trung tâm đã phối hợp với Bưu điện thực hiện chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu điện 781 hồ sơ theo yêu cầu của người dân, tổ chức và tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu điện là 492 hồ sơ.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ 1.213 hồ sơ, trong đó chủ yếu là các thủ tục như: cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh Quảng Ngãi 400 hồ sơ (*thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*); lĩnh vực xúc tiến thương mại 813 hồ sơ (*thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Công Thương*).

- Đối với các hồ sơ liên thông: Trung tâm đã phối hợp với các sở tiếp nhận, chuyển trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 157 hồ sơ liên thông; đã giải quyết và trả kết quả 127 hồ sơ, phần lớn hồ sơ đều được giải quyết trước hạn trong thời gian 03 ngày làm việc trở lại.

c) Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã:

- Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn

tỉnh và Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương thành lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (bao gồm Trung tâm hành chính công của 03 huyện, thành phố: Đức Phổ, Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi).

d) Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến:

- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5109/UBND-KGVX ngày 24/8/2018, Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 07/12/2018 về nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đôn đốc các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại 02 Quyết định số: 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017, 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018.

- Trong quý I, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận, giải quyết 1.301 hồ sơ trực tuyến, trong đó Trung tâm đã tiếp nhận 924 hồ sơ nộp trực tuyến, tập trung vào các lĩnh vực như: đăng ký kinh doanh, thủy sản, lao động việc làm, xúc tiến thương mại, giao thông đường bộ.

3. Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp:

- Cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt Danh mục 1.319 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 Sở: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và Ngoại vụ đưa vào thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Quyết định số: 378/QĐ-UBND ngày 05/3/2018, 907/QĐ-UBND ngày 08/6/2018, 2267/QĐ-UBND ngày 10/12/2018*); trong đó phê duyệt 240 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Cấp huyện: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt danh mục TTHC đưa vào thực hiện tại Trung tâm hành chính công 03 huyện: Sơn Hà (*Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 04/4/2018*), Đức Phổ (*Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 02/4/2018*), thành phố Quảng Ngãi (*Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 03/5/2018*). Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục 249 TTHC thực hiện tiếp nhận và 32 TTHC không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 07/11/2018*).

- Cấp xã: Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục 145 TTHC thực hiện tiếp nhận và 07 TTHC không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 16/11/2018*).

4. Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông:

Triển khai thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí (Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/12/2018); trong đó quy định nội dung, nguyên tắc, hình thức, trách nhiệm phối hợp và xác định rõ thời gian phối hợp giải quyết của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện liên thông các TTHC này.

Ngày 01/3/2019, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 246/VP-KSTTHC đề nghị các Sở: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh khẩn trương phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC liên thông đối với các thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí.

III. Đánh giá về tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông quý I năm 2019

1. Công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trong quý I năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, chỉ số cải cách hành chính, phần lớn các cơ quan trên địa bàn tỉnh đều đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC theo quy định mới tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP được thực hiện kịp thời. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh về TTHC tiếp tục được thực hiện có hiệu quả.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hầu hết TTHC thuộc thẩm quyền của 16 sở thuộc UBND tỉnh, qua 01 năm đi vào vận hành và hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và được Nhân dân đánh giá cao.

IV. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý II năm 2019

Trong quý II năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định hiện hành của Trung ương: Quy chế phối hợp công bố, công khai TTHC và báo cáo việc thực hiện kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC và thực hiện đánh giá chất lượng việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa

liên thông của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

3. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC như: Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC; rà soát, đánh giá, kiến nghị đơn giản hóa quy định pháp luật về TTHC; rà soát rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC trở lên trong khung thời gian quy định của Trung ương, nhất là TTHC có liên quan trong các lĩnh vực: đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, sở hữu nhà ở, quản lý thị trường, thuế, y tế...; rà soát, đánh giá sự phù hợp của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC với triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và kế hoạch triển khai để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở cấp độ 4 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể: Theo dõi, kiểm soát tốt hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tại Trung tâm, phấn đấu khắc phục giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, quá hạn ở mức 2% trở lại; tăng tỷ lệ hồ sơ thực hiện qua dịch vụ trực tuyến mức 3, mức 4; thực hiện kết nối hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện vào hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để phục vụ cho công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành của tỉnh, hướng đến kết nối với Bộ phận Một cửa cấp xã; bổ sung việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai liên quan đến hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và của một số cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, TTHC được Trung ương phân cấp cho địa phương quyết định hoặc tiếp nhận hộ, TTHC thực hiện liên thông vào thực hiện tại Trung tâm; hoàn thiện cơ chế, chính sách, điều kiện hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh theo quy định của Trung ương và theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC tại Trung tâm.

5. Hoàn thành ban hành văn bản quy định về chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông quý I năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Văn phòng Chính phủ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính TƯ;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, NC, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC_(latin101).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

Biểu số 02c/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-
VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG
CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn
phòng UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục
Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số						
1		0	0	0	0	0	0

Biểu số 03b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-
VPCP ngày 31/10/2017.

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng
UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai			
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQP PL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC		
							Tổng số	Chia ra		Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	
								Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung					Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ
A				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
	Tổng số	02	36	31	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
1	Sở Tài chính	01	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Sở Xây dựng	01	16	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	05

Biểu số 04b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQP PL được rà soát	Số TTHC			Số lượng VBQP PL được rà soát	Số lượng VBQPPL được rà soát					
			Tổng số ..	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Biểu số 05b/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn
phòng UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm
soát TTHC).

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã xử lý				Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
TỔNG	27	27	0	27	27	0	27	0	0	0	0	0
Lĩnh vực đất đai	25	25	0	25	25	0	25	0	0	0	0	0
Lĩnh vực người có công	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0
Lĩnh vực bảo trợ xã hội	1	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0

Biểu số 06d/VPCP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-
VPCP ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn
phòng UBND tỉnh).
Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm
soát TTHC).

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
	Tổng cộng	200.327	1.301	27.302	171.724	195.421	194.545	870	4.906	3.987	919	140.709	135.812	1.465	3.432
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	21.225	924	1.930	18.371	18.597	18.164	433	2.628	1.913	715	12.137	9.094	962	2.081
I	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết	135	0	0	135	56	55	1	79	79	0	122	42	1	79
1	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	114	0	0	114	36	35	1	78	78	0	114	35	1	78
2	Lĩnh vực tôn giáo	8	0	0	8	7	7	0	1	1	0	8	7	0	1

3	Lĩnh vực văn thư, lưu trữ	13	0	0	13	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0
II	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết	3438	17	527	2894	3015	2914	101	423	356	67	2454	1930	101	423
1	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	2440	17	524	1899	2022	1923	99	418	352	66	2440	1923	99	418
2	Lĩnh vực thanh tra	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	76	0	0	76	76	76	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực hành nghề công chứng	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
5	Lĩnh vực luật sư	7	0	2	5	3	1	2	4	4	0	7	1	2	4
6	Lĩnh vực giám định tư pháp	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	1
7	Lĩnh vực công chứng	897	0	0	897	897	897	0	0	0	0	0	0	0	0
III	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết	1545	256	128	1161	1384	1369	15	161	123	38	1289	1113	15	161
1	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	1300	256	0	1044	1300	1300	0	0	0	0	1044	1044	0	0
2	Lĩnh vực dự án đầu tư	26	0	19	7	6	6	0	20	20	0	26	6	0	20
3	Lĩnh vực đấu thầu	56	0	9	47	39	34	5	17	16	1	56	34	5	17
4	Lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
5	Lĩnh vực đầu tư	161	0	100	61	37	27	10	124	87	37	161	27	10	124

IV	TTTC do Sở Tài chính tiếp nhận và giải quyết	150	1	0	149	136	136	0	14	14	0	150	136	0	14
1	Lĩnh vực tin học và thống kê	137	1	0	136	135	135	0	2	2	0	137	135	0	2
2	Lĩnh vực tài chính đầu tư	11	0	0	11	1	1	0	10	10	0	11	1	0	10
3	Lĩnh vực quản lý giá và công sản	2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	2	0	0	2
V	TTTC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết	2013	247	0	1766	2000	2000	0	13	13	0	2013	2000	0	12
1	Lĩnh vực thương mại quốc tế	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	1927	247	0	1680	1927	1927	0	0	0	0	1927	1927	0	0
3	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	25	0	0	25	22	22	0	3	3	0	25	22	0	3
4	Lĩnh vực điện	10	0	0	10	8	8	0	2	2	0	10	8	0	2
5	Lĩnh vực quản lý cạnh tranh	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
6	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	33	0	0	33	26	26	0	7	7	0	33	26	0	7
7	Lĩnh vực VL NCN và tiền chất thuốc nổ	15	0	0	15	14	14	0	1	1	0	15	14	0	1
VI	TTTC do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết	2041	167	58	1816	1972	1959	13	69	69	0	2036	1956	11	69
1	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	36	0	10	26	30	29	1	6	6	0	36	29	1	6
2	Lĩnh vực chăn nuôi	826	0	3	823	825	824	1	1	1	0	826	824	1	1

	và thú y														
3	Lĩnh vực thủy sản	1091	167	29	895	1041	1033	8	50	50	0	1091	1033	8	50
4	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	57	0	4	53	50	50	0	7	7	0	57	50	0	7
5	Lĩnh vực lâm nghiệp	7	0	6	1	7	4	3	0	0	0	2	1	1	0
6	Lĩnh vực thủy lợi	2	0	0	2	1	1	0	1	1	0	2	1	0	1
7	Lĩnh vực nông thôn mới	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
8	Lĩnh vực đê điều	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
9	Lĩnh vực phân bón	16	0	5	11	12	12	0	4	4	0	16	12	0	4
VII	TTHC do Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và giải quyết	8200	200	1	8199	8051	8049	2	149	149	0	535	389	2	144
1	Lĩnh vực đăng kiểm	3188	0	0	3188	3188	3188	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực đường bộ	4982	200	0	4782	4838	4836	2	144	144	0	526	380	2	144
3	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	9	9	0	0
4	Lĩnh vực xây dựng thẩm định dự án, thiết kế, dự toán	15	0	1	14	10	10	0	5	5	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0
VIII	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết	493	0	184	309	307	140	167	186	154	32	493	140	167	186
1	Lĩnh vực xây dựng	470	0	173	297	295	134	161	175	145	30	470	134	161	175
2	Lĩnh vực quy hoạch	15	0	9	6	7	1	6	8	6	2	15	1	6	8

	xây dựng															
3	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	6	0	1	5	5	5	0	1	1	0	6	5	0	1	
4	Lĩnh vực nhà ở và bất động sản	2	0	1	1	0	0	0	2	2	0	2	0	0	2	
IX	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết	723	0	375	348	268	255	13	455	410	45	723	255	13	455	
1	Lĩnh vực đất đai	399	0	219	180	118	106	12	281	249	32	399	106	12	281	
2	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	95	0	34	61	73	73	0	22	22	0	95	73	0	22	
3	Lĩnh vực khoáng sản	42	0	35	7	1	1	0	41	38	3	42	1	0	41	
4	Lĩnh vực môi trường	120	0	67	53	37	36	1	83	79	4	120	36	1	83	
5	Lĩnh vực tài nguyên nước	37	0	20	17	10	10	0	27	21	6	37	10	0	27	
6	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	30	0	0	30	29	29	0	1	1	0	30	29	0	1	
X	TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và giải quyết	41	0	0	41	41	41	0	0	0	0	41	41	0	0	
1	Lĩnh vực báo chí	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0	
2	Lĩnh vực in, xuất bản và phát hành	36	0	0	36	36	36	0	0	0	0	36	36	0	0	
XI	TTHC do Sở Lao động - Thương binh và xã hội tiếp nhận, giải quyết	1591	36	532	1023	657	551	106	934	401	533	1591	551	638	402	
1	Lĩnh vực người có công	1163	0	532	631	279	173	106	884	351	533	1163	173	638	352	

2	Lĩnh vực việc làm - An toàn lao động	428	36	0	392	378	378	0	50	50	0	428	378	0	50
XII	TTHC do Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết	139	0	10	129	130	126	4	9	9	0	139	126	4	9
1	Lĩnh vực di sản văn hóa	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1
2	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	1	0	0	1	1	0	1	0	0	0	1	0	1	0
3	Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn	14	0	0	14	13	13	0	1	1	0	14	13	0	1
4	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	103	0	7	96	96	94	2	7	7	0	103	94	2	7
5	Lĩnh vực thể dục Thể thao	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
6	Lĩnh vực lễ hành	17	0	1	16	17	16	1	0	0	0	17	16	1	0
7	Lĩnh vực khách sạn	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
XIII	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và giải quyết	45	0	0	45	43	43	0	2	2	0	45	43	0	2
1	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
2	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
3	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	23	0	0	23	23	23	0	0	0	0	23	23	0	0
4	Lĩnh vực công nghệ	12	0	0	12	10	10	0	2	2	0	12	10	0	2

XIV	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết	132	0	0	132	124	124	0	8	8	0	132	124	0	8
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	57	0	0	57	52	52	0	5	5	0	57	52	0	5
2	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ	75	0	0	75	72	72	0	3	3	0	75	72	0	3
XV	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận và giải quyết	368	0	95	273	252	242	10	116	116	0	368	242	10	116
1	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	23	0	4	19	15	15	0	8	8	0	23	15	0	8
2	Lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm	193	0	43	150	141	141	0	52	52	0	193	141	0	52
3	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	152	0	48	104	96	86	10	56	56	0	152	86	10	56
XVI	TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết	6	1	0	5	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
1	Lĩnh vực xuất nhập cảnh	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực thông tin đối ngoại	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
3	Lĩnh vực hoạt động phi chính phủ nước ngoài	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
XVII	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận và giải quyết	98	0	12	86	91	90	1	7	7	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực tiếp công dân	23	0	0	23	23	23	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực xử lý đơn	54	0	0	54	54	54	0	0	0	0	0	0	0	0

	thư														
3	Lĩnh vực rà soát, tham mưu xử lý đơn	20	0	11	9	13	13	0	7	7	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
XVIII	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	67	35	8	24	64	64	0	3	3	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực đầu tư	27	13	4	10	26	26	0	1	1	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực tài nguyên môi trường	10	6	2	2	8	8	0	2	2	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng	26	13	1	12	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực quản lý doanh nghiệp	4	3	1	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (11/14 huyện, thành phố)	39.549	335	19.561	19.653	38.276	37.925	351	1.273	1.161	112	11.302	10.091	398	813
1	Lĩnh vực nội vụ-tôn giáo	10	0	4	6	10	10	0	0	0	0	1	1	0	0
2	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	833	0	15	818	833	833	0	0	0	0	818	813	0	5
3	Lĩnh vực tài chính - kế hoạch và đầu tư	124	0	22	102	120	120	0	4	4	0	97	97	0	0
4	Lĩnh vực công nghiệp, thương mại	46	0	7	39	40	40	0	6	6	0	35	29	0	6
5	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	940	37	9	894	669	668	1	271	266	5	872	597	1	274

6	Lĩnh vực giao thông	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	6	0	5
7	Lĩnh vực tư pháp	2410	0	29	2381	2410	2410	0	0	0	0	490	490	0	0
8	Lĩnh vực y tế	18470	0	18461	9	18470	18470	0	0	0	0	2	2	0	0
9	Lĩnh vực văn hóa - thông tin	15	0	0	15	15	15	0	0	0	0	6	6	0	0
10	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
11	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	51	0	14	37	42	42	0	9	3	6	12	11	0	1
12	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	1247	0	150	1097	1247	1247	0	0	0	0	1136	1136	0	0
13	Lĩnh vực đất đai	7431	292	615	6524	6511	6164	347	920	820	100	6990	6071	397	522
14	Lĩnh vực giáo dục- đào tạo	1135	0	0	1135	1134	1134	0	1	1	0	7	7	0	0
15	Lĩnh vực lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp	25	0	0	25	25	25	0	0	0	0	18	18	0	0
16	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	5757	0	227	5530	5757	5757	0	0	0	0	787	787	0	0
17	Lĩnh vực người có công	140	0	4	136	140	140	0	0	0	0	14	14	0	0
18	Lĩnh tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	898	6	4	888	836	833	3	62	61	1	0	0	0	0
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	139.553	42	5.811	133.700	138.548	138.456	86	1.005	913	92	117.270	116.627	105	538
1	Lĩnh vực hành chính tư pháp	19604	0	471	19133	19604	19604	0	0	0	0	17030	17030	0	0
2	Lĩnh vực chứng thực	105482	0	4804	100678	105475	105475	0	7	7	0	89991	89982	0	9

3	Lĩnh vực đất đai	2591	17	166	2408	2262	2200	62	329	296	33	2161	1866	64	231
4	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	15	0	7	8	11	10	1	4	0	4	5	5	0	0
5	Lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo	881	17	172	692	645	632	7	236	183	53	193	136	7	50
6	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	202	0	0	202	198	198	0	4	4	0	202	202	0	0
7	Lĩnh vực lâm nghiệp	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
8	Lĩnh vực văn hóa - thể thao	2031	0	0	2031	2031	2031	0	0	0	0	46	46	0	0
9	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	6066	6	164	5896	5715	5699	16	351	349	2	5255	5028	34	193
10	Lĩnh vực người có công	1882	2	22	1858	1811	1811	0	71	71	0	1699	1647	0	52
11	Lĩnh vực giao thông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực xây dựng	18	0	0	18	18	18	0	0	0	0	18	18	0	0
14	Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	776	0	5	771	773	773	0	3	3	0	665	662	0	3
15	Lĩnh vực nuôi con nuôi	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0

Biểu số 06g/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2019
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/3/2019)

Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng
UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC).

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng	1.789		
I	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh	1148		
1	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	1	- Do xác minh hồ sơ; - Chờ ý kiến của cơ quan có liên quan. - Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông). - Do thời tiết không thuận lợi cho việc kiểm tra thực địa.	
2	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	165		
3	Lĩnh vực luật sư	2		
4	Lĩnh vực giám định tư pháp	1		
5	Lĩnh vực đấu thầu	6		
6	Lĩnh vực đầu tư	47		
7	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	1		
8	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y	1		
9	Lĩnh vực thủy sản	8		
10	Lĩnh vực lâm nghiệp	3		
11	Lĩnh vực đường bộ	2		

12	Lĩnh vực xây dựng	191		
13	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	8		
14	Lĩnh vực đất đai	44		
15	Lĩnh vực khoáng sản	3		
16	Lĩnh vực môi trường	5		
17	Lĩnh vực tài nguyên nước	6		
18	Lĩnh vực người có công	639		
19	Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	1		
20	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	2		
21	Lĩnh vực lễ hành	1		
22	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	10		
23	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	1		
II	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện	463		
1	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	6		
2	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	6		
3	Lĩnh vực đất đai	447		
4	Lĩnh tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	4		
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã	178		
1	Lĩnh vực đất đai	95		
2	Lv bảo vệ môi trường	5		
3	Lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo	60		
4	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	18		